TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2023/DS-ST
Ngày: 14/4/2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - *Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đoàn Thanh Phong

2/ Bà Lê Thị Ngọc Ánh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Mỹ Xuyên - thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trinh – kiểm sát viên

Ngày 14/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 463/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 3 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 45/2023/QĐST – DS ngày 23 tháng 3 năm 2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 67/2023/QĐST – DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Anh Võ Thanh A – sinh năm 1986;
Địa chỉ: ấp TX B, xã TB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện ủy quyền: Lê Thụy Cẩm C – sinh năm 1997;
Địa chỉ: ấp BTT, xã BP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.
*** Bị đơn**: Chị Ngô Thị Hồng B – sinh năm 1985;
Địa chỉ: số 39, Ô 3, khu 1, TT Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.
Chị C có đơn xin vắng mặt;
Chị B có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng như đại diện ủy quyền nguyên đơn chị Lê Thụy Cẩm C trình bày:***

Chị B có vay của anh A nhiều lần với tổng số tiền 320.000.000 đồng, cụ thể:

Lần 01: Ngày 05/7/2022 vay của anh A số tiền 260.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay đến ngày 30/7/2022.

Lần 02: Ngày 15/7/2022 vay của anh A số tiền 60.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay đến ngày 05/9/2022.

Khi đến hạn thanh toán thì chị B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, anh A nhiều lần liên hệ nhưng chị B cố tình né tránh không thực hiện.

Tại đơn khởi kiện ngày 31/10/2022 anh A yêu cầu:

- Buộc chị B trả số tiền vốn vay là 320.000.000 đồng.

- Lãi suất 0,83%/tháng của số tiền 260.000.000 đồng tính từ ngày 31/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính là 6.474.000 đồng;

- Lãi suất 0,83%/tháng của số tiền 60.000.000 đồng tính từ ngày 06/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính là 498.000 đồng;

Tổng cộng trả vốn và lãi khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 03/03/2023 thì chị C đại diện ủy quyền của anh A xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể:

Anh A xin rút số tiền vốn 60.000.000 đồng theo biên nhận ngày 15/7/2022 và rút yêu cầu tính lãi với biên nhận này.

Nay anh A chỉ yêu cầu chị B trả số tiền vốn vay là 260.000.000 đồng theo biên nhận ngày 05/7/2022 và tính lãi với lãi suất 0,83%, tính từ ngày 31/7/2022 đến ngày xét xử, tạm tính 6.474.000 đồng. Trả khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Ngô Thị Hồng B vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ.***

**** Tại phiên tòa, bị đơn Ngô Thị Hồng B trình bày:*** Chị B thừa nhận biên nhận ngày 05/7/2022 là do chị ký tên, ghi họ tên Ngô Thị Hồng B và chị lăn tay. Tuy nhiên, chị B trình bày chị không có vay 260.000.000 đồng, chị chỉ vay số tiền vốn 150.000.000 đồng, còn 110.000.000 đồng là tiền lãi nhưng khi làm biên nhận thì anh A yêu cầu chị ghi giấy nợ là 260.000.000 đồng. Từ khi làm biên nhận ngày 05/7/2022 đến nay chị đã trả cho anh A nhiều lần, cụ thể: chuyển khoản 117.000.000 đồng, tiền mặt 20.000.000 đồng, tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay chị thống nhất với yêu cầu khởi kiện của anh A, chị đồng ý trả cho anh A số tiền vốn vay 260.000.000 đồng và đồng ý trả lãi với lãi suất 0,83%/01 tháng từ ngày 31/7/2022 đến ngày xét xử tương đương số tiền: 260.000.000 đồng x 0,83% x 8 tháng 14 ngày = 18.271.000 đồng, trả cả vốn và lãi khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh A đã rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 60.000.000 đồng và tiền lãi theo biên nhận ngày 15/7/2022 đó là chuyện của anh A, chị B không có ý kiến.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:***

+ Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, trừ bị đơn vắng mặt không có lý do. Tuy bị đơn có vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn có tham gia phiên tòa và thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Thanh A số tiền 260.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất

0,83%/tháng tính từ ngày 31/7/2022 đến ngày xét xử, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Đình chỉ đối với yêu cầu buộc chị B trả số tiền 60.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 06/9/2022.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh A khởi kiện yêu cầu chị B trả cho chị số tiền vay, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Chị B là bị đơn có hộ khẩu thường trú: số 39, Ô 3, khu 1, TT Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh A, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh A khởi kiện yêu cầu chị B trả số tiền vốn vay 260.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 05/7/2022. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình anh A đã cung cấp bản chính biên nhận nợ ngày 05/7/2022. Theo biên nhận thì chị B có vay của anh A số tiền 260.000.000 đồng, chị B hẹn ngày 30/7 sẽ trả đủ số tiền trên, các bên không thỏa thuận lãi suất. Chị B cũng thừa nhận biên nhận ngày 05/7/2022 là do chị ký tên, ghi họ tên Ngô Thị Hồng B và lăn tay, chị B cho rằng chị chỉ vay số tiền 150.000.000 đồng chứ không phải 260.000.000 đồng nhưng chị không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Tại phiên tòa, chị B đồng ý trả cho anh A số tiền vốn vay 260.000.000 đồng và đồng ý trả lãi với lãi suất 0,83%/01 tháng từ ngày 31/7/2022 đến ngày xét xử tương đương số tiền: 260.000.000 đồng x 0,83% x 8 tháng 14 ngày = 18.271.000 đồng, trả cả vốn và lãi khi án có hiệu lực pháp luật, do đó, yêu cầu khởi kiện của anh A là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A về việc yêu cầu chị B trả số tiền vốn vay 260.0000.000 đồng và tiền lãi 18.271.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Ngày 03/3/2023 thì chị C đại diện ủy quyền của anh A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với biên nhận ngày 15/7/2022 với số tiền vốn vay 60.000.000 đồng và tiền lãi. Xét thấy, anh A tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn vay 60.000.000 đồng và tiền lãi.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên không có ai yêu cầu về thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của anh A được chấp nhận nên chị B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dụng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 463; Điều 357; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh A đối với số tiền vốn vay 60.000.000 đồng và tiền lãi theo biên nhận ngày 15/7/2022.

Anh A có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu yêu cầu khởi kiện của anh Võ Thanh A.

Buộc chị Ngô Thị Hồng B có nghĩa vụ trả cho anh Võ Thanh A số tiền vốn vay 260.000.000 đồng và tiền lãi 18.271.000 đồng.

Thời hạn trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị B chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Chị Ngô Thị Hồng B phải chịu 13.913.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn lại cho anh Võ Thanh A số tiền 8.175.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0025435 ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Tuyết Hạnh